

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN CHÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN CHAU DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109151617

3. Ngày thành lập: 06/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 9, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
5.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
6.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
7.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
10.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
11.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
12.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
13.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
14.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
15.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
16.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
17.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
18.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
19.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
20.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
21.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

22.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
23.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
24.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
25.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
26.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
29.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
33.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
34.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
36.	Thu gom rác thải độc hại	3812
37.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
39.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
40.	Xây dựng nhà để ở	4101
41.	Xây dựng nhà không để ở	4102
42.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
43.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Tái chế phế liệu	3830
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ đấu giá) Môi giới mua bán hàng hóa	4610
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu -Bán buôn phân bón - Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và Nhà nước cấm) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	4669
70.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
73.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
80.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
81.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

82.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
83.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
84.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
85.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
86.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
87.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
88.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
89.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
90.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
91.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
92.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
93.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
94.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
95.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
96.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
97.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
98.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
99.	Cho thuê xe có động cơ	7710
100.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
101.	Đại lý du lịch	7911
102.	Điều hành tua du lịch	7912
103.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
104.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
105.	Giáo dục nhà trẻ	8511
106.	Giáo dục mẫu giáo	8512
107.	Đào tạo sơ cấp	8531
108.	Đào tạo trung cấp	8532

109.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
110.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
111.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
112.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
113.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	Đội 9, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	012978643	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

2	LÊ MINH HẢI	Đội 9, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,667	013382280	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,667		
3	LÊ MAI CHÚC	Đội 9, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.000	1.600.000.000	53,333	012766345	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	16.000	1.600.000.000	53,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: KIỀU TIẾN HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 035076000142

Ngày cấp: 06/08/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 4, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 4, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội